

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST  
Ngày 25 tháng 9 năm 2020  
“*V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Thọ.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Thi và ông Lưu Ngọc Khoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 17/01/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/20120/QĐXXST-DS ngày 06/7/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Điều Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bon J, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Trương Đình Ph, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, Đắk Nông. Vắng mặt

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Thị U, sinh năm 1985; Địa chỉ: Bon J, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Điều Th trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên vào ngày 07/12/2018 anh Trương Đình Ph có nhờ vợ chồng anh Điều Th và chị Thị U đi vay tiền hộ anh Ph để anh Ph đáo hạn ngân hàng, do tin tưởng và muốn giúp anh Ph nên Anh Th, chị Thị U đồng ý. Anh Th, chị Thị U và anh Ph cùng đến nhà vợ chồng anh Q, ở thôn 1, xã Quảng Tân, huyện T, tỉnh Đắk Nông vay số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 9%/tháng, thời gian vay là 31 ngày, anh Ph chịu tiền lãi vay. Sau khi vay hộ thì anh Ph đã nhận toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng từ vợ chồng anh Q. Sau khi vợ chồng anh Q đưa tiền cho anh Ph thì Anh Th có mượn lại của anh Ph nhiều lần với số tiền tổng cộng là 29.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ Anh Th yêu cầu anh Ph trả tiền đã vay hộ nhưng anh Ph không trả nên Anh Th trừ đi số tiền 29.000.000 đồng Anh Th đã vay anh Ph, anh Ph còn nợ Anh Th số tiền 41.000.000 đồng. Việc vay hộ tiền anh Ph và việc Anh Th vay tiền anh Ph hai bên chỉ là thỏa thuận miệng không làm giấy tờ. Khi Anh Th đòi anh Ph số tiền 41.000.000 đồng thì anh Ph hẹn đến ngày

23/03/2019 anh Ph trả, lúc này hai bên mới làm giấy tờ vay như Anh Th đã nộp cho Tòa án. Đến hạn trả nợ Anh Th yêu cầu anh Ph trả tiền như cam kết nhưng anh Ph không trả, Anh Th tôi khởi kiện ra Tòa án giải quyết yêu cầu anh Ph trả số tiền gốc là 41.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, Anh Th đưa ra chứng cứ là hợp đồng vay vốn anh Ph đã ký xác nhận.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Đình Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng anh Ph không hợp tác làm việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh Ph vắng mặt không có lý do.*

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thị U trình bày: Chị Thị U xác nhận sự việc anh Điều Th trình bày là đúng sự thật, chị Thị U đồng ý với ý kiến yêu cầu của anh Điều Th không có ý kiến yêu cầu gì thêm.*

*\* Phần tranh luận: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày lý do mượn tiền hộ anh Ph là do mối quan hệ quen biết, việc anh Điều Th vay tiền của anh Q thì Anh Th đã giải quyết với anh Q. Do anh Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh Điều Th nên anh Điều Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ph phải trả số tiền gốc là 41.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thị U đồng ý với yêu cầu của anh Điều Th không có ý kiến gì.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:*

*Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Về nội dung, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 351; Điều 385; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.*

*- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Điều Th, buộc anh Trương Đình Ph phải trả cho anh Điều Th số tiền gốc là 41.000.000 đồng và 6.172.000 đồng tiền lãi từ ngày 23/3/2019 đến ngày 25/9/2020.*

*Về án phí: Anh Trương Đình Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho anh Điều Th số tiền 1.025.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Trương Đình Ph có địa chỉ tại bon Bu Ko'k, xã Đ, huyện T, Đắk Nông. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không hợp tác giải quyết, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

**[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp:**

Đối tượng tranh chấp là số tiền 41.000.000 đồng anh Ph vay của Anh Th. Nguyên đơn trình bày ban đầu đây là số tiền Anh Th đứng ra vay hộ anh Ph tuy nhiên anh Ph không trả nên Anh Th phải trả thay và yêu cầu anh Ph trả lại. Đây là tài sản hợp pháp của nguyên đơn, thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn và đã cho bị đơn vay theo hợp đồng vay tài sản giữa hai bên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**[3] Nhận định của Hội đồng xét xử:**

[3.1] Hợp đồng vay tài sản giữa anh Điều Th và anh Trương Đình Ph là giao dịch dân sự hợp pháp; theo hợp đồng vay vốn ngày 23/02/2019 giữa hai bên thì thời hạn vay là 01 tháng, thời hạn trả tiền vào ngày 23/3/2019 bên vay phải trả tiền vay, tuy nhiên trong hợp đồng hai bên không thỏa thuận về lãi suất là bao nhiêu %/tháng, đến hạn Anh Th đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vì vậy anh Ph đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay khi đến hạn.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật của nguyên đơn, HĐXX xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận; khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định *“Trường hợp các bên có*

*thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ” và lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy lãi suất trong trường hợp này được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 20%/năm, nghĩa là = 10%/năm.*

[3.3] Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa HĐXX nhận thấy có căn cứ chứng minh Anh Th đã cho anh Ph vay số tiền 41.000.000 đồng không tính lãi suất. Thời gian vay 01 tháng kể từ ngày 23/02/2019. Khi đến hạn trả nợ anh Ph không trả vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Ph phải trả nợ vay và tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền vay kể từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23/3/2019 cho tới ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

[3.4] Trong quá trình giải quyết vụ án do bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không có mặt khi Tòa án công khai chứng cứ và hòa giải thể hiện việc bị đơn từ bỏ quyền lợi của mình nên Tòa án căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.*

[3.5] Số tiền Anh Th cho anh Ph vay là tài sản riêng của Anh Th. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Thị U (vợ Anh Th) đều thừa nhận đây là tài sản riêng của Anh Th, không liên quan đến chị và chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

[4] Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Điều Th, buộc anh Trương Đình Ph phải trả cho anh Điều Th số tiền gốc và tiền lãi suất cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 41.000.000 đồng;
- Tiền lãi chậm trả (từ ngày 23/3/2019 đến ngày 25/9/2020) là: 41.000.000 đồng x 01 năm 06 tháng 23 ngày x 10%/năm = 6.172.000 đồng (làm tròn);
- Tổng cộng: 41.000.000 đồng (tiền gốc) + 6.172.000 đồng (tiền lãi) = 47.172.000 đồng.

Như vậy, cần buộc anh Trương Đình Ph phải trả cho anh Điều Th số tiền 47.172.000 đồng (trong đó gồm 41.000.000 đồng tiền gốc và 6.172.000 đồng tiền lãi).

[5] Về án phí: Bị đơn anh Trương Đình Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 351; Điều 385; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Điều Th.

Buộc anh Trương Đình Ph phải trả cho anh Điều Th số tiền 47.172.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng), trong đó gồm 41.000.000 đồng tiền gốc và 6.172.000 đồng tiền lãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật.

**2. Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc anh Trương Đình Ph phải nộp 2.358.600 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Điều Th số tiền 1.025.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002673 ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

### **3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

*Nguyễn Tiến Thọ*